TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ- ST
Ngày 21-7-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phỉ Đính.
2. Ông Nguyễn Văn Thức.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1990 – có mặt.
Địa chỉ: Đường N, tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Anh Đỗ Trọng S, sinh năm 1983 – vắng mặt.
Địa chỉ: Đường M, tổ dân phố Z, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày có nội dung: Chị và anh Đỗ Trọng S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi lộn nhau về các vấn đề trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Trọng S. Về con chung, quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung là

cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị yêu cầu anh Đỗ Trọng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Về tài sản, chị và anh S tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị Nguyễn Thị Quỳnh A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019; giao cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 cho anh Đỗ Trọng S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên; về cấp dưỡng nuôi con, chị A chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Quỳnh A giữ nguyên ý kiến này của mình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 10/5/2021, bị đơn anh Đỗ Trọng S trình bày có nội dung: Về quan hệ hôn hân, anh S và chị Nguyễn Thị Quỳnh A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống được một thời gian hạnh phúc thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng sống không có tin tưởng nhau. Hai vợ chồng sống không còn tình cảm với nhau. Nay chị A yêu cầu giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn thì anh S đồng ý. Về con chung, quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019 và giao cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên thì anh S đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản, anh S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin thay đổi ý kiến gửi đến Tòa án ngày 14/5/2021, anh S thay đổi ý kiến của mình, không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với anh Đỗ Trọng S; về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 cho anh Đỗ Trọng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, chị A và anh S chưa

yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 30/3/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 12/4/2021, nguyên đơn có văn bản đề nghị không thông qua thủ tục hòa giải tại tòa án; ngày 23/4/2021, Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 26/4/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án ngày 27/4/2021 là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đỗ Trọng S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị A và anh S đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 17/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được một thời gian thì hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa vợ chồng chị A và anh S không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi lộn nhau về các vấn đề trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh S thừa nhận vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Chị A đã về ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị A, anh S thì xác định về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn giữa chị A, anh S cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Do khi xảy ra mâu thuẫn, các bên không yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp hòa giải.

Tại đơn xin thay đổi ý kiến gửi đến Tòa án ngày 14/5/2021, anh S muốn có thời gian để hai anh chị suy nghĩ kỹ lại và đưa ra quyết định cuối cùng. Tuy nhiên, đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, chị A vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên giải quyết cho chị Nguyễn Thị Quỳnh A ly hôn với anh Đỗ Trọng S là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị A, anh S có 02 con chung tên Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019. Xét yêu cầu của chị A muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019 và giao cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên và yêu cầu này được anh Đỗ Trọng S đồng ý và cũng phù hợp với ý kiến của cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng tại bản tự khai ngày 10/5/2021 nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82, 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với anh Đỗ Trọng S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Ngọc Nhã Y, sinh ngày 27/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đỗ Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 19/5/2013 cho anh Đỗ Trọng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Đỗ Trọng S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007082 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.